

Bản án số: **24/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Tường.

Ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lương Thị T, sinh năm 1991.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987.

Đều thường trú: thôn L, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. (Nay là thôn L, xã H, thành phố Hà Nội).

(Tại phiên toà, nguyên đơn xin vắng mặt và bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Lương Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, thành phố Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội) vào ngày 09/12/2009 và sinh sống hạnh phúc tại xã H với công việc làm lao động tự do, cho đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát do vợ chồng bắt đầu có bất đồng trong quan điểm lối sống dẫn đến không còn hoà hợp như trước vì anh T1 mãi chơi không quan tâm đến vợ con và gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và đến nay không tìm được tiếng

nói chung nữa. Thời gian xảy ra nhiều mâu thuẫn, đôi bên cũng đã gắng tìm cách để hàn gắn, gia đình hai bên khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng với anh T1 không còn, chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 để sớm được ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 04/7/2010 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 07/8/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cả 02 con chung đều đang ở với chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh và chị tự nguyện kết hôn, anh xác nhận thời điểm đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị T đã trình bày là đúng và anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị L1 trình bày. Nhưng hiện tại 02 con chung đang ở với anh, Quan điểm của anh T1 là tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con chung muốn ở với chị T thì anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị T xin vắng mặt, và vẫn giữ nguyên các quan điểm trình bày khởi kiện ban đầu, anh T1 tại phiên tòa có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Không yêu cầu chị T phải trợ cấp nuôi con chung cho anh. Hiện tại anh có nghề cắt tóc mở quán tại quê nhà mỗi tháng thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng và có nhà ở của bố mẹ để lại cho anh. Trường hợp Tòa án giải quyết theo pháp luật cho mỗi người nuôi 01 con chung thì anh cũng đồng ý. Các quan điểm khác anh vẫn giữ nguyên như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hà Nội phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Đề nghị giao mỗi bên nuôi 01 con chung, không bên nào

phải trợ cấp nuôi con chung cho bên nào cho đến khi các bên có yêu cầu mới. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Lương Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại thôn L, xã H, huyện M, TP Hà Nội (Nay là xã H, TP Hà Nội). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2009 tại UBND xã H, huyện M, thành phố Hà Nội (Nay là xã H, TP Hà Nội) đây là hôn nhân hợp pháp.

- Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của chị T và anh T1 thể hiện: Vợ chồng chị kết hôn và đã chung sống hạnh phúc trong thời gian dài, tuy nhiên khi phát sinh mâu thuẫn, cả vợ và chồng đều không hóa giải được, các bên đều nhất trí ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

- Về con chung: Chị T và anh T1 xác nhận vợ chồng chỉ có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 04/7/2010 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 07/8/2013, không có con riêng, con nuôi nào khác. Đôi bên đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Xét thấy, các 02 con chung tại phiên tòa đều có nguyện vọng xin ở với bố, tuy nhiên việc nuôi các con chung đều vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cả cha và mẹ, chị T và anh T1 đều là người khỏe mạnh và minh mẫn, có thu nhập từ nghề tự do ở mức trung bình, nếu giao một bên nuôi cả 02 con chung thì sẽ nặng gánh cho một bên và không đảm bảo tối đa điều kiện chăm sóc tốt nhất cho các con chung. Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giao mỗi bên nuôi 01 con chung là phù hợp với pháp luật. Không bên nào phải trợ cấp nuôi con chung cho bên nào cho đến khi các bên có thay đổi mới về người trực tiếp nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung. Các bên đều có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh T1 đều xác nhận không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 04/7/2010 và cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 07/8/2013. Buộc anh T1 giao 01 con chung là cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 04/7/2010 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Giao anh T1 tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 07/8/2013. Không bên nào phải trợ cấp nuôi con chung cho bên nào, cho đến khi các bên có thay đổi mới về người trực tiếp nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung. Các bên đều có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Lương Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị Lương Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0077289 ngày 25/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 12 – Hà Nội;
- UBND xã Hồng Sơn (nơi đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng

